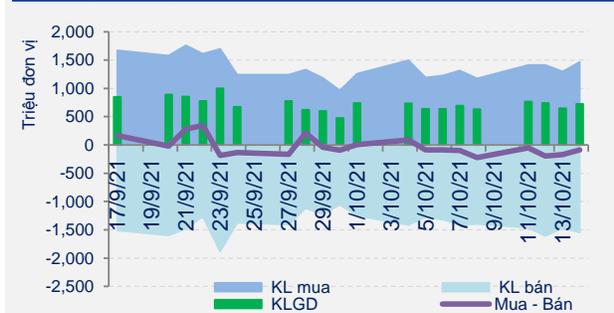


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,391.85	384.84
% Thay đổi	↓ 0.00%	↑ 1.45%
KLGD (CP)	725,386,354	123,516,089
GTGD (tỷ đồng)	22,099.97	2,925.51
Tổng cung (CP)	1,549,464,900	167,870,600
Tổng cầu (CP)	1,463,156,200	155,878,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	61,812,684	2,085,640
KL mua (CP)	52,696,500	1,386,800
GT mua (tỷ đồng)	1,962.20	29.97
GT bán (tỷ đồng)	2,605.04	72.73
GT ròng (tỷ đồng)	(642.84)	(42.76)

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.14%	24.9	4.0	1.5%
Công nghiệp	↑ 0.58%	20.0	3.1	11.1%
Dầu khí	↑ 0.19%	17.9	2.0	2.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.11%	-	5.6	6.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.25%	17.9	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.11%	21.3	4.2	7.9%
Ngân hàng	↓ -0.22%	11.5	2.4	18.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.98%	14.0	3.0	18.3%
Tài chính	↑ 0.02%	18.2	3.4	30.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.35%	17.0	3.1	3.0%
VN - Index	↓ 0.00%	17.1	3.0	
HNX - Index	↑ 1.45%	22.2	4.6	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index giảm 0,06 điểm xuống 1.391,85 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 267 mã tăng, 68 mã tham chiếu, 142 mã giảm. HNX-Index tăng 5,5 điểm (+1,45%) lên 384,84 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 163 mã tăng, 54 mã tham chiếu, 84 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 795 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 23.082 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn thuộc VN30 tiếp tục có một phiên âm ảm. Kết thúc phiên giao dịch, nhóm này có 11 mã tăng giá và 15 mã giảm giá có thể kể đến như VHM (-1,4%), MSN (-0,7%), FPT (-0,6%), SAB (-0,6%), VIC (-0,6%), MWG (-0,3%), NVL (-0,3%), BVH (-0,2%), VNM (-0,1%)... đã tạo ra áp lực điều chỉnh lên thị trường. Bên cạnh đó, nhóm ngân hàng cũng giao dịch không mấy tích cực với sắc đỏ chiếm ưu thế như SHB (-3,3%), MSB (-0,9%), BID (-0,9%), ACB (-0,9%), LPB (-0,7%)... Ở chiều ngược lại, cổ phiếu ngành chứng khoán đi ngược thị trường với nhiều mã kết phiên trong sắc xanh, có thể kể đến như VCI (+1,1%), SHS (+0,8%), HCM (+0,7%), AAS (+14,5%), ORS (+2,5%), SBS (+4,1%), APG (+6,9%), APS (+2,9%)... Nhóm bất động sản vốn hoá vừa và nhỏ cũng diễn biến tương đối tích cực với DIG (+5,6%), PDR (+2,6%), IDC (+9,6%), NLG (+4,9%), FLC (+1,7%), KDH (+0,6%), CII (+4,5%), ITA (+2,7%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục gặp khó trước ngưỡng tâm lý 1.400 điểm trong phiên thứ ba liên tiếp và kết phiên trong sắc đỏ nhẹ. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay gia tăng so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên cho thấy bên mua và bên bán vẫn đang giằng co nhau ở thời điểm hiện tại. Khối ngoại tiếp tục bán ròng với gần 700 tỷ đồng trên hai sàn cũng tạo nên áp lực điều chỉnh trên toàn thị trường. Tuy nhiên, trên góc nhìn kỹ thuật, với phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp nhưng chỉ số VN-Index vẫn đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm nên cơ hội để tiếp tục đi lên ngưỡng tâm lý 1.400 điểm trong phiên giao dịch cuối tuần là vẫn còn nếu lực cầu mạnh hơn xuất hiện. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 15/10, VN-Index có thể hồi phục trở lại để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **14/10/2021**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.398,67 điểm. Về cuối phiên, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.388,89 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 0,06 điểm xuống 1.391,85 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 1.100 đồng, VIC giảm 600 đồng, SHB giảm 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, GVR tăng 900 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 386,49 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 5,5 điểm (+1,45%) lên 384,84 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB tăng 1.000 đồng, IDC tăng 5.000 đồng, IDJ tăng 2.800 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB giảm 100 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 644,98 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 8,4 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 168,3 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VND với 148,4 tỷ đồng tương ứng với 2,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DPM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 158,8 tỷ đồng tương ứng với 3,8 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 42,82 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 699 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 51,3 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là TNG với 12,5 tỷ đồng tương ứng với 399 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 15 tỷ đồng tương ứng với 328,5 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên. Vì chỉ số chỉ giảm rất nhẹ nên có thể thấy là bên mua và bên bán vẫn đang giằng co trong vùng giá hiện tại.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Và hiện tại là sóng hồi phục b với target theo lý thuyết trong khoảng 1.325-1.350 điểm (fibonacci retracement 50%-61,8%). Thực tế là sóng hồi phục b đã vượt quá target lý thuyết trên để hướng dần đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Tuy điều chỉnh nhẹ phiên thứ hai liên tiếp nhưng VN-Index vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm nên vẫn có thể kỳ vọng lực cầu quay trở lại sẽ giúp chỉ số này hướng đến kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 15/10, VN-Index có thể hồi phục trở lại để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

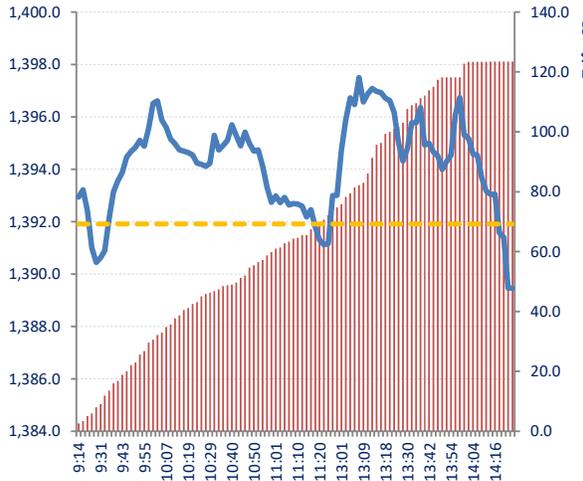
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,2 - 58 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 4 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 14/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.177 VND/USD, giảm 4 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

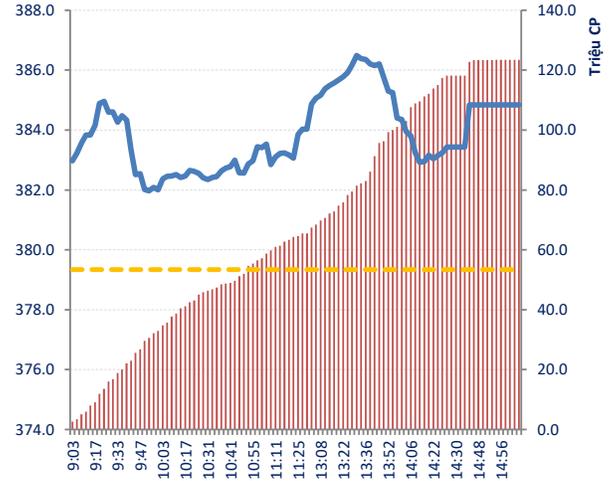
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,95 USD/ounce tương ứng với 0,22% lên 1.798,65 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,317 điểm tương ứng 0,32% xuống 93,78 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1620 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3722 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,33 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,95 USD/thùng tương ứng với 1,17% lên 81,39 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 13/10, Dow Jones giảm 0,53 điểm xuống 34.377,81 điểm. Nasdaq tăng 105,71 điểm tương đương 0,73% lên 14.571,63 điểm. Nasdaq Composite tăng 13,15 điểm tương đương 0,3% lên 4.363,8 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



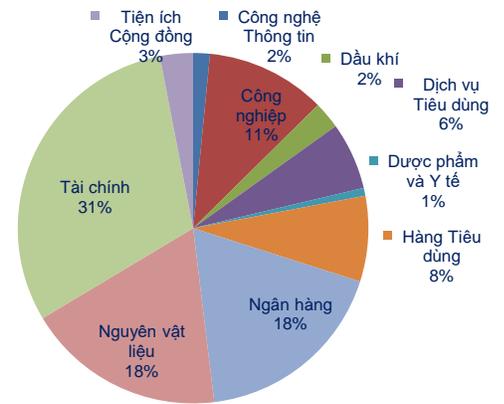
KLGD và HNX-Index trong phiên



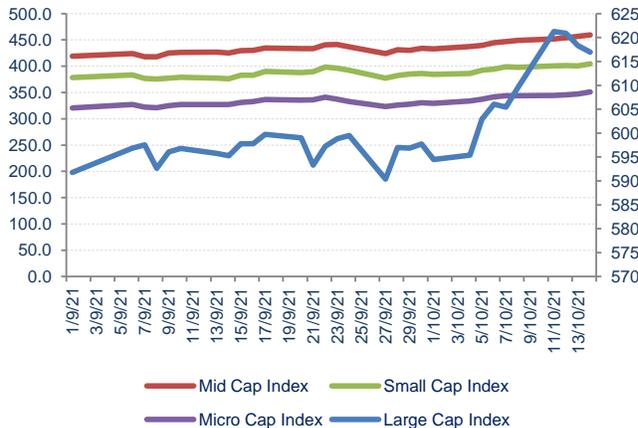
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



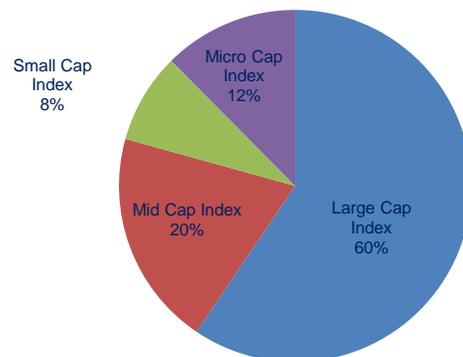
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DPM	3,800,000	PAN	4,430,500
2	MBB	2,138,500	HPG	2,954,200
3	STB	1,179,800	SSI	2,945,400
4	E1VFN30	897,900	VND	2,891,100
5	FLC	872,500	KBC	2,007,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	328,500	SHS	1,350,600
2	KLF	298,000	TNG	399,200
3	BII	295,900	ART	59,100
4	CEO	163,300	IDJ	36,300
5	BCC	33,500	NVB	35,700

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHB	30.00	29.00	↓	-3.33%	22,235,300
HPG	56.80	56.80	⇒	0.00%	20,559,700
TCB	52.40	52.50	↑	0.19%	20,339,700
ITA	7.70	7.91	↑	2.73%	18,631,800
HQC	3.92	4.07	↑	3.83%	17,262,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
NVB	29.90	30.90	↑	3.34%	15,285,991
CEO	10.80	11.20	↑	3.70%	8,734,971
IDC	52.20	57.20	↑	9.58%	8,106,130
PVS	28.80	28.70	↓	-0.35%	7,882,284
SHS	37.50	37.80	↑	0.80%	4,746,513

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCG	4.30	4.60	0.30	↑ 6.98%
TDH	11.50	12.30	0.80	↑ 6.96%
DLG	5.75	6.15	0.40	↑ 6.96%
PDN	95.00	101.60	6.60	↑ 6.95%
VFG	50.50	54.00	3.50	↑ 6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HEV	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
TTT	46.40	51.00	4.60	↑ 9.91%
HLD	35.60	39.10	3.50	↑ 9.83%
VGP	32.60	35.80	3.20	↑ 9.82%
HGM	30.70	33.70	3.00	↑ 9.77%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	47.95	44.60	-3.35	↓ -6.99%
TTE	9.87	9.19	-0.68	↓ -6.89%
NBB	40.70	37.90	-2.80	↓ -6.88%
TCR	4.60	4.33	-0.27	↓ -5.87%
HRC	60.80	58.00	-2.80	↓ -4.61%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NFC	14.60	13.20	-1.40	↓ -9.59%
CLM	32.50	29.40	-3.10	↓ -9.54%
VE4	35.30	32.10	-3.20	↓ -9.07%
D11	33.00	30.10	-2.90	↓ -8.79%
APP	12.90	11.80	-1.10	↓ -8.53%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	409.31	34.3%	5,341	9.6	2.3
SSI	306.64	16.5%	2,064	19.9	2.4
PAN	142.46	3.6%	1,049	29.8	1.1
VHM	128.59	36.9%	7,777	10.1	2.7
KBC	92.75	7.1%	1,685	27.1	1.7

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	-113.58	15.3%	1,623	22.9	3.0
DPM	-95.78	13.7%	2,915	14.4	1.9
PVT	-70.33	11.9%	2,313	11.0	1.3
STB	-57.59	11.8%	1,903	13.9	1.6
TCB	-49.91	21.0%	4,613	11.4	2.2

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	5.91	20.1%	2,772	10.3	1.4
HAR	1.42	0.1%	6	1,208.3	0.7
TNH	1.24	17.4%	2,710	15.1	2.5
HNG	1.11	-1.3%	(102)	-	1.1
VSC	1.08	12.5%	5,035	12.0	1.5

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SZC	-5.13	19.3%	2,498	21.9	4.1
LIX	-1.96	30.5%	6,242	9.0	2.7
ROS	-1.50	3.1%	326	17.1	0.5
HPG	-1.06	39.5%	5,614	10.1	3.4
VTO	-0.68	8.3%	1,164	11.6	1.0

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	113.58	15.3%	1,623	22.9	3.0
HPG	110.62	39.5%	5,614	10.1	3.4
PVT	62.87	11.9%	2,313	11.0	1.3
TCB	49.91	21.0%	4,613	11.4	2.2
TPB	41.19	24.4%	4,123	10.3	2.2

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-260.97	34.3%	5,341	9.6	2.3
SSI	-185.74	16.5%	2,064	19.9	2.4
NVL	-79.82	12.9%	3,258	31.4	3.8
VSC	-69.46	12.5%	5,035	12.0	1.5
VHM	-64.77	36.9%	7,777	10.1	2.7

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	158.84	13.7%	2,915	14.4	1.9
MBB	55.60	20.1%	2,772	10.3	1.4
STB	31.12	11.8%	1,903	13.9	1.6
VRE	25.53	9.2%	1,195	25.7	2.3
HSG	23.68	48.3%	7,817	6.2	2.2

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-167.12	39.5%	5,614	10.1	3.4
VND	-149.35	34.3%	5,341	9.6	2.3
PAN	-134.87	3.6%	1,049	29.8	1.1
SSI	-120.67	16.5%	2,064	19.9	2.4
KBC	-92.62	7.1%	1,685	27.1	1.7



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	22,235,300	15.7%	2,045	14.2	2.1
HPG	20,559,700	3250.0%	5,614	10.1	3.4
TCB	20,339,700	21.0%	4,613	11.4	2.2
ITA	18,631,800	1.6%	187	42.4	0.7
HQC	17,262,100	0.1%	9	447.6	0.4

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	15,285,991	3.3%	355	87.0	2.9
CEO	8,734,971	-3.1%	(411)	-	0.9
IDC	8,106,130	11.3%	1,684	34.0	3.7
PVS	7,882,284	4.4%	1,187	24.2	1.1
SHS	4,746,513	25.5%	3,243	11.7	1.8

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MCG	↑ 7.0%	-6.0%	(348)	-	1.2
TDH	↑ 7.0%	5.3%	1,149	10.7	0.6
DLG	↑ 7.0%	-22.4%	(1,948)	-	0.7
PDN	↑ 6.9%	28.5%	9,893	10.3	2.9
VFG	↑ 6.9%	18.8%	5,681	9.5	1.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HEV	↑ 10.0%	15.5%	2,487	6.6	1.0
TTT	↑ 9.9%	1.4%	1,332	38.3	0.6
HLD	↑ 9.8%	15.3%	3,476	11.3	1.8
VGP	↑ 9.8%	14.2%	3,209	11.2	1.6
HGM	↑ 9.8%	17.7%	2,279	14.8	2.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	3,800,000	13.7%	2,915	14.4	1.9
MBB	2,138,500	20.1%	2,772	10.3	1.4
STB	1,179,800	11.8%	1,903	13.9	1.6
EVFN3	897,900	N/A	N/A	N/A	N/A
FLC	872,500	15.4%	2,364	5.2	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	328,500	11.0%	3,581	12.8	1.4
KLF	298,000	0.0%	4	1,171.8	0.5
BII	295,900	2.8%	265	61.2	1.6
CEO	163,300	-3.1%	(411)	-	0.9
BCC	33,500	8.9%	1,524	16.4	1.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	358,648	20.6%	5,533	17.5	3.4
VIC	351,982	4.5%	1,600	57.8	2.2
VHM	343,560	36.9%	7,777	10.1	2.7
HPG	254,062	39.5%	5,614	10.1	3.4
GAS	213,023	16.3%	4,178	26.6	4.5

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,290	33.9%	6,555	35.0	14.1
KSF	22,920	8.8%	785	97.3	3.8
VCS	20,576	42.1%	10,726	12.0	4.9
IDC	17,160	11.3%	1,684	34.0	3.7
BAB	16,720	7.8%	876	25.3	1.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	2.87	26.7%	1,095	20.2	4.2
FTS	2.55	22.7%	3,588	17.4	3.6
IJC	2.41	25.8%	3,971	7.7	2.1
DCL	2.22	8.9%	1,482	24.3	2.1
DAH	2.19	-7.4%	(699)	-	0.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	2.03	8.7%	885	13.0	1.1
L18	1.99	5.2%	820	59.4	3.5
APS	1.99	22.8%	1,940	12.9	2.2
HBS	1.85	1.2%	140	82.6	1.0
NVB	1.83	3.3%	355	87.0	2.9



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---